

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học
của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo:

a) Kết hợp bảo tồn tại chỗ với bảo tồn chuyển chỗ và các hình thức bảo tồn khác nhằm bảo đảm hiệu quả công tác bảo tồn, tính thống nhất và phù hợp với điều kiện của từng vùng trên phạm vi cả nước, không gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

b) Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn với khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật, chú trọng duy trì và phát triển các dịch vụ hệ sinh thái, môi trường, cảnh quan đa dạng sinh học.

c) Thống nhất theo các tiêu chí của Luật đa dạng sinh học trên cơ sở phát huy tối đa tính kế thừa các thành quả và duy trì tính ổn định của hệ thống các khu bảo tồn rừng đặc dụng, biển, vùng nước nội địa hiện có.

d) Bảo đảm an toàn đa dạng sinh học, giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Huy động mọi nguồn lực, kinh nghiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư vào công tác bảo tồn đa dạng sinh học; bảo đảm các nguyên tắc về chia sẻ công bằng, hài hòa lợi ích của các bên có liên quan.

e) Tăng cường hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt với các nước có chung biên giới.

2. Mục tiêu đến năm 2020

a) Mục tiêu tổng quát:

Bảo đảm các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài và nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm được bảo tồn và phát triển bền vững; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xác định và khoanh vùng bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng. Nâng cao chất lượng và tăng diện tích các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ trên phạm vi cả nước; nâng độ che phủ rừng đạt 45%; bảo tồn và có kế hoạch bảo vệ hiệu quả 0,57 triệu ha diện tích rừng nguyên sinh tại các vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ; bảo vệ và phát triển bền vững khoảng 60.000 ha diện tích rừng ngập mặn tự nhiên; bảo vệ hệ sinh thái các rạn san hô, thảm cỏ biển tại các vùng Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ; bảo vệ hệ sinh thái các đầm phá ven biển vùng Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ; khôi phục 2.000 ha diện tích rừng trên núi đá vôi tại vùng Đông Bắc.

- Hoàn thiện quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020, bảo đảm quỹ đất thành lập và đưa vào hoạt động 46 khu bảo tồn mới với tổng diện tích khoảng 567.000 ha, nâng tổng diện tích hệ thống khu bảo tồn trên phạm vi cả nước đạt khoảng 2.940.000 ha.

- Phát triển và nâng cấp hệ thống 26 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và xây dựng kế hoạch phát triển với các loại hình: 04 vườn thực vật tại các vùng địa lý: Đông Bắc, đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; 05 vườn cây thuốc quốc gia tại các vùng địa lý: Đông Bắc, Tây Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ; 02 vườn động vật quốc gia tại các vùng địa lý: Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; 12 trạm/trung tâm cứu hộ động vật trên phạm vi cả nước và 3 ngân hàng gen tại vùng đồng bằng sông Hồng.

- Thành lập và đưa vào hoạt động 04 hành lang đa dạng sinh học tại 02 vùng Đông Bắc và Nam Trung Bộ với tổng diện tích khoảng 120.000 ha nhằm kết nối các sinh cảnh và tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của các hệ sinh thái và loài sinh vật.

3. Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia; các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn tự nhiên, đầm phá ven biển và núi đá vôi bị suy thoái.

- Tiếp tục thành lập và đưa vào hoạt động các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học đã được đề xuất.

II. NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

A. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Đến năm 2020:

Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2020 theo 08 vùng địa lý trên phạm vi cả nước theo 04 đối tượng, bao gồm: Hệ sinh thái tự nhiên, khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học, cụ thể như sau:

a) Vùng Đông Bắc:

- Bảo vệ các hệ sinh thái rừng tự nhiên lưu vực sông Hồng, sông Lô, sông Gâm; hệ sinh thái núi đá vôi tại Tuyên Quang, Hà Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Cao Bằng, Quảng Ninh; hệ sinh thái đất ngập nước tại Đầm Hà, Yên Hưng (Quảng Ninh).

- Chuyển tiếp 36 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 265.800 ha.

- Nâng cấp và thành lập 03 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm: 01 trung tâm cứu hộ động vật, 01 vườn thực vật và 01 vườn cây thuốc.

- Thành lập và đưa vào hoạt động 01 hành lang đa dạng sinh học với diện tích khoảng 506 ha kết nối các sinh cảnh giữa Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang và Vườn quốc gia Ba Bể.

b) Vùng Tây Bắc:

- Bảo vệ các hệ sinh thái rừng tự nhiên lưu vực sông Đà, sông Mã; rừng ở các đai cao trên 1.500 m tại Lào Cai, Sơn La.

- Chuyển tiếp 15 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 261.500 ha.

- Nâng cấp, thành lập 02 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm: 01 trung tâm cứu hộ động vật và 01 vườn cây thuốc.

c) Vùng đồng bằng sông Hồng:

- Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn tự nhiên tại Hải Phòng, Thái Bình; các hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng tại Ninh Bình, Nam Định.

- Chuyển tiếp 11 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 88.000 ha.

- Nâng cấp, thành lập 08 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm: 02 trung tâm cứu hộ động vật, 01 vườn thực vật, 01 vườn động vật, 01 vườn cây thuốc và 03 ngân hàng gen.

d) Vùng Bắc Trung Bộ:

- Bảo vệ hệ sinh thái rừng nguyên sinh tại Nghệ An, Hà Tĩnh; rừng tự nhiên lưu vực sông Mã, sông Cả, sông Gianh; rừng ngập mặn ven biển tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa; hệ sinh thái núi đá vôi ở Thanh Hoá và Quảng Bình; hệ sinh thái đầm phá Tam Giang - Cầu Hai tại Thừa Thiên Huế.

- Chuyển tiếp 21 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 630.000 ha.

- Nâng cấp, thành lập 03 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm: 02 trung tâm cứu hộ động vật và 01 vườn cây thuốc.

đ) Vùng Nam Trung Bộ:

- Bảo vệ các hệ sinh thái rừng tự nhiên lưu vực sông Cái (tỉnh Phú Yên, Ninh Thuận, Khánh Hòa), sông Côn, sông Đà Rằng, sông Ba, sông Trà Khúc, sông Thu Bồn; hệ sinh thái rừng khộp tại Ninh Sơn (Ninh Thuận), Hoàn Giao (Khánh Hòa); các rạn san hô, thảm cỏ biển tại Cù Lao Chàm, Ninh Hải, vịnh Vĩnh Hy, vịnh Cam Ranh, đầm Thủy Triều, vịnh Vân Phong; hệ sinh thái đất ngập nước khu vực đầm Thị Nại, Trà Ô, Cù Mông, Ô Loan, Nha Phu.

- Chuyển tiếp 22 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 347.000 ha.

- Thành lập và đưa vào hoạt động 03 hành lang đa dạng sinh học kết nối các khu bảo tồn tại vùng Nam Trung Bộ với tổng diện tích khoảng 118.700 ha.

c) Vùng Tây Nguyên:

- Bảo vệ hệ sinh thái rừng nguyên sinh gồm: rừng trên núi trung bình (Ngọc Linh, Chư Yang Sin), rừng nửa rụng lá (rừng bằng lũng), rừng rụng lá cây họ Dầu (rừng khộp); rừng tự nhiên lưu vực sông Sê San, sông Ba, sông Đồng Nai.

- Chuyển tiếp 16 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 461.000 ha.

- Nâng cấp, thành lập 03 trung tâm cứu hộ động vật.

g) Vùng Đông Nam Bộ:

- Bảo vệ hệ sinh thái rừng nguyên sinh; các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển tại Cà Ná, Côn Đảo; hệ sinh thái đất ngập nước tại đầm Thị Nại, rừng ngập mặn Cần Giờ.

- Chuyển tiếp 11 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 212.200 ha.

- Nâng cấp, thành lập 06 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm: 02 trung tâm cứu hộ động vật, 02 vườn thực vật, 01 vườn cây thuốc và 01 vườn động vật.

h) Vùng đồng bằng sông Cửu Long:

- Bảo vệ và phát triển bền vững 30.000 ha hệ sinh thái rừng ngập mặn tự nhiên; hệ sinh thái các rạn san hô, thảm cỏ biển tại Phú Quốc; các hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái rừng tràm tại Tràm Chim, U Minh, Trà Sư.

- Chuyển tiếp 21 khu bảo tồn hiện có sang hệ thống khu bảo tồn theo Luật đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 106.500 ha.

- Nâng cấp, thành lập 01 trung tâm cứu hộ động vật.

i) Giai đoạn từ 2016 - 2020, định hướng quy hoạch thành lập mới 46 khu bảo tồn với diện tích khoảng 567.000 ha từ quỹ đất tăng thêm trên cơ sở kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016 - 2020) cấp quốc gia được Quốc hội thông qua. Cụ thể như sau: 06 khu bảo tồn mới với tổng diện tích khoảng 81.300 ha tại vùng Đông Bắc; 02 khu bảo tồn mới với diện tích khoảng 35.000 ha tại vùng Tây Bắc; 07 khu bảo tồn mới với diện tích dự kiến khoảng 63.150 ha tại vùng đồng bằng sông Hồng; 07 khu bảo tồn mới với diện tích khoảng 140.000 ha tại vùng Bắc Trung Bộ; 08 khu bảo tồn mới với

diện tích khoảng 113.000 ha tại vùng Nam Trung Bộ; 03 khu bảo tồn mới với diện tích khoảng 57.100 ha tại vùng Tây Nguyên; 04 khu bảo tồn với diện tích khoảng 43.600 ha tại vùng Đông Nam Bộ; 09 khu bảo tồn với diện tích khoảng 33.500 ha tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

k) Danh mục các khu bảo tồn đã chuyển tiếp sang hệ thống khu bảo tồn theo quy định của Luật đa dạng sinh học được nêu tại Phụ lục I của Quyết định này.

2. Định hướng đến năm 2030:

- Xác định các vùng có hệ sinh thái tự nhiên và tiềm năng cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng; tiếp tục bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái.

- Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch chi tiết và xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập và đưa vào hoạt động 20 khu bảo tồn mới với tổng diện tích dự kiến khoảng 128.000 ha, nâng tổng số khu bảo tồn đạt 219 khu bảo tồn với tổng diện tích khoảng 3.067.000 ha, được phân bố đều trên phạm vi cả nước.

- Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch chi tiết và xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập và đưa vào hoạt động 12 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, nâng tổng số cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học lên 38 cơ sở.

- Tiếp tục thành lập và đưa vào hoạt động 17 hành lang đa dạng sinh học, phân bố tại 08 vùng trên phạm vi cả nước với tổng diện tích dự kiến khoảng 445.000 ha.

B. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI

Phê duyệt về nguyên tắc 06 chương trình, dự án ưu tiên thực hiện quy hoạch (chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học; tiêu chí phân hạng, phân loại khu bảo tồn theo hệ sinh thái; thành lập khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học; định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng địa phương tham gia thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương, tăng cường vai trò của

cộng đồng trong việc tổ chức quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học trên địa bàn. Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng dân cư ở khu vực vùng đệm khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học.

2. Tăng cường hiệu quả hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học theo hướng phân định rõ chức năng quản lý nhà nước, trong đó chú trọng việc thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học. Tăng cường công tác thực thi pháp luật, chế tài xử phạt, xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý của đội ngũ làm công tác bảo tồn đa dạng sinh học từ trung ương đến địa phương.

3. Điều tra, nghiên cứu xác định các tiêu chí phân vùng sinh thái trên phạm vi cả nước; xác định các vùng có hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, nhạy cảm, dễ bị tổn thương, bị suy thoái để có kế hoạch bảo vệ và phục hồi. Tập trung các vùng có tiềm năng cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái. Điều tra, đánh giá sự phù hợp và nhu cầu thực tế về quỹ đất cho bảo tồn đa dạng sinh học.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án điều tra, nghiên cứu khoa học làm cơ sở xác định, đề xuất và biện pháp bảo vệ cụ thể đối với từng hạng, loại khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học. Tăng cường nghiên cứu sử dụng các phương pháp, công cụ và áp dụng các mô hình mới, đặc biệt là phương pháp tiếp cận dựa vào hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu trong công tác quản lý các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học.

4. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng trong thực hiện quy hoạch, đặc biệt là cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm thu hút các nguồn tài trợ về tài chính và kỹ thuật để điều tra, nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ; mở rộng việc trao đổi, hợp tác khoa học với các nước, đặc biệt với các nước có chung biên giới để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm về quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học.

6. Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án thực hiện quy hoạch được xác định cụ thể trên cơ sở quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành về tài chính của Nhà nước; đồng thời khuyến khích, huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp đầu tư tài chính; xây dựng cơ chế đa dạng hoá nguồn đầu tư cho quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

Xây dựng nội dung, kế hoạch lồng ghép quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển lâm nghiệp, quy hoạch phát triển các ngành có liên quan, kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu khác từ cấp trung ương đến địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương có liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả quy hoạch.

c) Hướng dẫn các địa phương rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy hoạch này.

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch trên phạm vi cả nước; tổ chức tổng kết việc thực hiện quy hoạch vào năm 2020.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án ưu tiên được phân công.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung quy hoạch theo chức năng quản lý của Bộ.

b) Chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án ưu tiên được phân công.

c) Thực hiện lồng ghép các nội dung quy hoạch trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Bố trí vốn đầu tư cho các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của quy hoạch.

b) Vận động các nguồn tài trợ quốc tế để thực hiện quy hoạch.

4. Bộ Tài chính

Trên cơ sở các nội dung quy hoạch, các chương trình, dự án ưu tiên được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Tài chính cân đối, bố trí kịp thời vốn ngân sách nhà nước để thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ phù hợp với các mục tiêu, nội dung và giải pháp của quy hoạch.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện quy hoạch tại địa phương.

b) Tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy hoạch này.

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng các chương trình, dự án triển khai thực hiện quy hoạch; lập và phê duyệt dự án thành lập các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, hành lang đa dạng sinh học tại địa phương theo phân cấp.

d) Tổ chức quản lý khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học theo phân cấp của Chính phủ.

đ) Xây dựng cơ chế, chính sách khai thác các giá trị của đa dạng sinh học để phát triển kinh tế và ổn định đời sống người dân địa phương.

e) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân trong bảo tồn đa dạng sinh học.

g) Bố trí các nguồn lực của địa phương và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả các nguồn lực do trung ương cấp để thực hiện quy hoạch.

h) Kiểm tra việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quy hoạch này thay thế Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam đến năm 2020 ban hành theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Quy hoạch các khu bảo tồn đất ngập nước nêu tại Phụ lục I của Quyết định này thay thế quy hoạch các khu bảo tồn vùng nước nội địa có cùng vị trí, tên địa danh đã được quy hoạch tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa đến năm 2020.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HDND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).xii 445

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 135 /SY-UBND

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2014

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- PVPNN, K4, K13;
- Lưu: VT (07b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC KHU BẢO TỒN QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
Vùng Đông Bắc								
1.	ATK Định Hoá	Thái Nguyên	8.728	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
2.	Ba Bể	Bắc Cạn	10.048	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
3.	Bắc Mê	Hà Giang	9.042,5	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
4.	Báỉ Tử Long	Quảng Ninh	15.600	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
5.	Bản Giốc	Cao Bằng	566	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
6.	Bát Đại Sơn	Hà Giang	4.531,2	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
7.	Cát Bà	Hải Phòng	15.331,6	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
8.	Chạm Chu	Tuyên Quang	15.902,1	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
9.	Cô Tô	Quảng Ninh	7.850	Vườn quốc gia	Biển	Địa phương	2020	Thành lập mới
10.	Đá Bàn	Tuyên Quang	119,6	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
11.	Đào Trần	Quảng Ninh	4.200	Bảo vệ cảnh quan	Biển	Địa phương	2020	Thành lập mới
12.	Đền Hùng	Phú Thọ	538	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
13.	Đồng Sơn - Kỳ Thượng	Quảng Ninh	14.851	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
14.	Du Già	Hà Giang	11.540,1	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
15.	Hữu Liên	Lạng Sơn	8.293	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
16.	Khau Ca	Hà Giang	2.010,4	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
17.	Khuôn Hà - Thượng Lâm	Tuyên Quang	19.220	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
18.	Quản Bạ	Hà Giang	5.000	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
19.	Chi Sán	Hà Giang	5.300	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2030	Thành lập mới
20.	Khu vực ngã ba sông Đà - Lô - Thao	Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội	24.000	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Dất ngập nước	Trung ương	2020	Thành lập mới
21.	Kim Bình	Tuyên Quang	210,8	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
22.	Kim Hỷ	Bắc Kạn	14.772	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
23.	Lam Sơn	Cao Bằng	75	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
24.	Na Hang	Tuyên Quang	22.401,5	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
25.	Nam Xuân Lạc	Bắc Kạn	1.788	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
26.	Núi Lãng Đôn	Cao Bằng	1.149	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
27.	Núi Nà	Phú Thọ	670	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
28.	Núi Pịa Oắc	Cao Bằng	12.261	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
29.	Pắc Bó	Cao Bằng	1.137	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
30.	Phong Quang	Hà Giang	7.910,9	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
31.	Suối Mỡ	Bắc Giang	1.207,1	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
32.	Tam Đảo	Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang	29.515,03	Vườn quốc gia	Trên cạn	Trung ương	2020	Đã chuyển tiếp
33.	Tân Trào	Tuyên Quang	4.187,3	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
34.	Tây Côn Lĩnh	Hà Giang	14.489,3	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
35.	Tây Yên Tử	Bắc Giang	12.172,22	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
36.	Thần Sa - Phượng Hoàng	Thái Nguyên	17.639	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
37.	Thăng Hen	Cao Bằng	372	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
38.	Trần Hưng Đạo	Cao Bằng	1.143	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
39.	Trùng Khánh	Cao Bằng	10.000	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
40.	Vùng cửa sông Tiên Yên	Quảng Ninh	21.000	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
41.	Xuân Sơn	Phú Thọ	15.048	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
42.	Yên Lập	Phú Thọ	330	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
43.	Yên Tử	Quảng Ninh	2.687	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
Vùng Tây Bắc								
44.	Chế Tạo	Yên Bái	20.108,2	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
45.	Copia	Sơn La	6.311	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
46.	Hang Kia - Pà Cò	Hoà Bình	5.257,77	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
47.	Hoàng Liên	Lào Cai, Lai Châu	28.500,1	Vườn quốc gia	Trên cạn	Trung ương	2020	Đã chuyển tiếp
48.	Hoàng Liên - Bát Xát	Lào Cai	15.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
49.	Mường La	Sơn La	20.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
50.	Mường Nhé	Điện Biên	44.940,30	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
51.	Mường Phăng	Điện Biên	935,88	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
52.	Mường Tè	Lai Châu	33.775	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
53.	Nà Hầu	Yên Bái	16.399,92	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
54.	Ngọc Sơn - Ngổ Luông	Hoà Bình	15.890,63	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
55.	Phu Canh	Hoà Bình	5.647	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
56.	Sốp Cộp	Sơn La	18.020	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
57.	Tà Xùa	Sơn La	16.553	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
58.	Thượng Tiến	Hoà Bình	5.872,99	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
59.	Vân Bản	Lào Cai	25.173	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
60.	Xuân Nha	Sơn La	18.116	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
Vùng đồng bằng sông Hồng								
61.	Ba Vì	Hà Nội, Hòa Bình	10.749,7	Vườn quốc gia	Trên cạn	Trung ương	2020	Đã chuyển tiếp
62.	Quan Sơn	Hà Nội	2741	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
63.	Bạch Long Vĩ	Hải Phòng	20.700	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Địa phương	2020	Thành lập mới
64.	Chùa Thầy	Hà Nội	37,13	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
65.	Côn Sơn Kiếp Bạc	Hải Dương	1.216,9	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
66.	Cửa sông Hồng	Nam Định - Thái Bình	40.000	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Trung ương	2020	Thành lập mới
67.	Cửa sông Thái Bình	Hải Phòng - Thái Bình	2.000	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Trung ương	2020	Thành lập mới
68.	Cửa sông Thái Thụy	Thái Bình	13.100	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
69.	Cửa sông Văn Úc huyện Tiên Lãng	Hải Phòng	1.500	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
70.	Cúc Phương	Ninh Bình, Thanh Hoá, Hoà Bình	22.405,9	Vườn quốc gia	Trên cạn	Trung ương	2020	Đã chuyển tiếp
71.	Ilô Đồng Mô - Ngòi Sơn	Hà Nội	900	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
72.	Hồ Hoàn Kiếm	Hà Nội	16	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
73.	Hồ Suối Hai	Hà Nội	1.200	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
74.	Hồ Tây	Hà Nội	440	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
75.	Hoa Lư	Ninh Bình	2.985	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
76.	Hương Sơn	Hà Nội	2.719,8	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
77.	K9 - Lăng Hồ Chí Minh	Hà Nội	423	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
78.	Đảo Cò	Hải Dương	31,673	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
79.	Tiên Hải	Thái Bình	3.245	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
80.	Vân Long	Ninh Bình	1.973,5	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
81.	Vật Lại	Hà Nội	11,28	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
82.	Xuân Thủy	Nam Định	7.100	Vườn quốc gia	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
Vùng Bắc Trung Bộ								
83.	Bắc Hương Hóa	Quảng Trị	23.456	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
84.	Bạch Mã	Thừa Thiên Huế, Quảng Nam	37.487	Vườn quốc gia	Trên cạn	Trung ương	2020	Đã chuyển tiếp
85.	Bàu Sen	Quảng Bình	200	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
86.	Bến En	Thanh Hoá	12.033	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
87.	Cồn Cỏ	Quảng Trị	4.400	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
88.	Đakrông	Quảng Trị	40.526	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
89.	Đường Hồ Chí Minh	Quảng Trị	5.680	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
90.	Hải Vân – Sơn Chà	Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng	17.000	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Trung ương	2020	Thành lập mới
91.	Hồ Cẩm Khanh	Quảng Bình	8.590	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
92.	Hòn Mê	Thanh Hóa	6.700	Bảo vệ cảnh quan	Biển	Địa phương	2020	Thành lập mới
93.	Hương Nguyên	Thừa Thiên Huế	10.310,5	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
94.	Kẻ Gỗ	Hà Tĩnh	21.759	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
95.	Giăng Mán	Quảng Bình, Hà Tĩnh	20.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Trung ương	2030	Thành lập mới

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
96.	Rừng sến Tam Quy	Thanh Hóa	518,5	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
97.	Khu bảo tồn Sao La	Thừa Thiên Huế	12.153	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
98.	Khe Nét	Quảng Bình	26.800	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
99.	Khe nước trong	Quảng Bình	19.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
100.	Puxilaileng	Nghệ An	50.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
101.	Núi Chung	Nghệ An	628,3	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
102.	Núi Thần Đinh (Chùa Non)	Quảng Bình	136	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
103.	Phá Tam Giang – Đầm Cầu Hai	Thừa Thiên Huế	20.000	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
104.	Phong Điền	Thừa Thiên Huế	30.262,8	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
105.	Phong Nha Kẻ Bàng	Quảng Bình	125.362	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
106.	Pù Hoát	Nghệ An	35.723	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
107.	Pù Hu	Thanh Hoá	23.028,2	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
108.	Pù Huống	Nghệ An	40.127,7	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
109.	Pù Luông	Thanh Hoá	16.902,3	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
110.	Pù Mát	Nghệ An	93.524,7	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
111.	Rú Lịnh	Quảng Trị	270	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
112.	Vũ Quang	Hà Tĩnh	52.882	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
113.	Xuân Liên	Thanh Hoá	23.475	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
Vùng Nam Trung Bộ								
114.	An Toàn	Bình Định	22.545	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
115.	Bà Nà - Núi Chúa	Quảng Nam	2.753	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
116.	Bà Nà - Núi Chúa	Đà Nẵng	30.206,3	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
117.	Bán đảo Sơn Trà	Đà Nẵng	3.871	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
118.	Cù Lao Chàm	Quảng Nam	1.490	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
119.	Cù Lao Chàm	Quảng Nam	8.265	Bảo vệ cảnh quan	Biển	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
120.	Đầm Cù Mông	Phú Yên	3.000	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
121.	Đầm Nại	Ninh Thuận	700	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
122.	Đầm Ô Loan	Phú Yên	1.570	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
123.	Đầm Thị Nại	Bình Định	5.000	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
124.	Đầm Trà Ô	Bình Định	1.600	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
125.	Đầm Trà Ô	Bình Định	10.000	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
126.	Đèo Cả - Hòn Nưa	Phú Yên	5.768,2	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
127.	Hồ Sông Hinh	Phú Yên	500	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
128.	Hòn Bà	Khánh Hòa	19.164,48	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
129.	Hòn Cau	Bình Thuận	12.500	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
130.	Hòn Hèo	Khánh Hòa	7.000	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
131.	Khu bảo tồn Sao La	Quảng Nam	15.822	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
132.	Khu Tây huyện Ba Tơ	Quảng Ngãi	39.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
133.	Krông Trai	Phú Yên	13.392	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
134.	Lý Sơn	Quảng Ngãi	7925	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Địa phương	2020	Thành lập mới
135.	Nam Hải Vân	Đà Nẵng	3.397,3	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
136.	Nam Yết	Khánh Hòa	35.000	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Địa phương	2020	Thành lập mới
137.	Ngọc Linh	Quảng Nam	17.576	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
138.	Núi Bà	Bình Định	2.384	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
139.	Núi Chúa	Ninh Thuận	29.865	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
140.	Núi Ông	Bình Thuận	23.834	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
141.	Phú Quý	Bình Thuận	18.980	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Địa phương	2020	Thành lập mới
142.	Phước Bình	Ninh Thuận	19.814	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
143.	Quy Hòa - Ghềnh Ráng	Bình Định	2.163	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
144.	Sơn Thái – Giang Ly	Khánh Hoà	10.500	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
145.	Sông Thanh	Quảng Nam	79.694	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
146.	Tà Kôu	Bình Thuận	8.407	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
147.	Trà Bồng	Quảng Ngãi	1.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
148.	Vịnh Nha Trang	Khánh Hoà	15.000	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
149.	Vườn Cam Nguyễn Huệ	Bình Định	752	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
Vùng Tây Nguyên								
150.	Bidoup - Núi Bà	Lâm Đồng	55.968	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
151.	Biển Hồ	Gia Lai	600	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
152.	Chư Mom Rây	Kon Tum	56.434,2	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
153.	Chư Yang Sin	Đắk Lắk	59.316,1	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
154.	Đắk Uy	Kon Tum	659,5	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
155.	Đray Sáp - Gia Long	Đắk Nông	1.515,2	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
156.	Ea Ral	Đắk Lắk	49	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
157.	Ea Sô	Đắk Lắk	24.017	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
158.	Hồ Ialy	Gia Lai	6.450	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
159.	Hồ Lắk	Đắk Lắk	9.478,3	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
160.	Hồ Yaun hạ	Gia Lai	700	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
161.	Ayun Pa	Gia Lai	50.000	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
162.	Kon Chư Răng	Gia Lai	15.446	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
163.	Kon Ka Kinh	Gia Lai	39.955	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
164.	Nam Ca	Đắk Lắk	21.912,3	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
165.	Nam Nung	Đắk Nông	10.912	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
166.	Ngọc Linh	Kon Tum	38.109,4	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
167.	Sông Se San - hồ Ialy	Gia Lai	6.500	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Trung ương	2020	Thành lập mới
168.	Tà Đùng	Đắk Nông	17.915,2	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
169.	Trấp Ksor	Đắk Lắk	100	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
170.	Yok Đôn	Đắk Lắk	109.196	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
Vùng Đông Nam Bộ								
171.	Bình Châu Phước Bửu	Bà Rịa - Vũng Tàu	10.905	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
172.	Bù Gia Mập	Bình Phước	25.926	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
173.	Căn cứ Châu Thành	Tây Ninh	147	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
174.	Căn cứ Đồng Rùm	Tây Ninh	32	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
175.	Cát Tiên	Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước	71.457	Vườn quốc gia	Trên cạn	Trung ương	2020	Đã chuyển tiếp
176.	Chàng Riệc	Tây Ninh	9.122	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
177.	Côn Đảo	Bà Rịa - Vũng Tàu	19.991	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
178.	Cửa sông Đồng Nai	Bà Rịa - Vũng Tàu	10.000	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
179.	Lò Gò Sa Mát	Tây Ninh	18.345	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
180.	Núi Bà Đen	Tây Ninh	1.545	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
181.	Núi Bà Rá	Bình Phước	1.056	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
182.	Sông Bé – hồ Thác Mơ	Bình Phước	1.000	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
183.	Sông Đồng Nai – hồ Trị An	Đồng Nai	32.300	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
184.	Sông Sài Gòn – hồ Dầu Tiếng	Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương	300	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Trung ương	2020	Thành lập mới
185.	Vịnh Cừ	Đồng Nai	53.850,3	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long								
186.	Áp Canh Điền	Bạc Liêu	363	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
187.	Búng Bình Thiên	An Giang	500	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
188.	Cụm đảo Thổ Chu	Kiên Giang	20.000	Dự trữ thiên nhiên	Biển	Địa phương	2030	Thành lập mới
189.	Đầm Đông Hồ	Kiên Giang	1.597	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
190.	Đầm Thị Tường	Cà Mau	700	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
191.	Gò Tháp	Đồng Tháp	289,8	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
192.	Hòn Chông	Kiên Giang	964,7	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
193.	Khu bảo tồn biển Phú Quốc	Kiên Giang	2.881,47	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Biển	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
194.	Ven biển cù lao An Hóa	Bến Tre	10.000	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
195.	Vùng cửa sông Hàm Luông	Bến Tre	10.000	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
196.	Khu bảo tồn rừng ngập mặn Long Khánh	Trà Vinh	868,1	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
197.	Khu sinh thái Đồng Tháp Mười	Tiền Giang	623	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
198.	Vùng cửa sông Ba Lai	Bến Tre	10.000	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Địa phương	2030	Thành lập mới
199.	Rừng Tràm huyện Tri Tôn	An Giang	1.900	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
200.	Rừng ngập mặn Cù Lao Dung	Sóc Trăng	25.333,7	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
201.	Láng Sen	Long An	5.030	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
202.	Lung Ngọc Hoàng	Hậu Giang	790,64	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
203.	Mũi Cà Mau	Cà Mau	41.089	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
204.	Núi đá vôi Kiên Lương	Kiên Giang	929,1	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
205.	Núi Sam	An Giang	171	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
206.	Phú Mỹ	Kiên Giang	1.106,3	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Thành lập mới
207.	Phú Quốc	Kiên Giang	29.135,9	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
208.	Rừng cụm đảo Hòn Khoai	Cà Mau	621	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
209.	Rừng tràm Trà Sư	An Giang	850	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Địa phương	2020	Thành lập mới
210.	Sân Chim đầm Dơi	Cà Mau	130	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân hạng	Phân loại	Phân cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Ghi chú
211.	Thanh Phú	Bến Tre	2.584	Dự trữ thiên nhiên	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
212.	Thoại Sơn	An Giang	370,5	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
213.	Trà Sư	An Giang	844,1	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
214.	Tràm Chim	Đồng Tháp	7.313	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
215.	Tức Dụp	An Giang	200	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
216.	U Minh Hạ	Cà Mau	7.926	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
217.	U Minh Thượng	Kiên Giang	8.038	Vườn quốc gia	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
218.	Vườn Chim Bạc Liêu	Bạc Liêu	385	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp
219.	Xẻo Quýt	Đồng Tháp	50	Bảo vệ cảnh quan	Trên cạn	Địa phương	2020	Đã chuyển tiếp



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên	Loại hình	Cơ quan chủ quản	Tỉnh, thành phố	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân kỳ quy hoạch
Vùng Đông Bắc						
1.	Vườn thực vật Mê Linh	Vườn thực vật	Trạm đa dạng sinh học Mê Linh, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật	Vĩnh Phúc	170	2020
2.	Trung tâm cứu hộ động vật vườn quốc gia Tam Đảo	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Tam Đảo	Vĩnh Phúc	05	2020
3.	Vườn cây thuốc tại Tam Đảo	Vườn cây thuốc	Viện Dược liệu	Vĩnh Phúc	1,5	2020
4.	Vườn cây thuốc quốc gia Yên Tử	Vườn cây thuốc		Quảng Ninh	270	2030
5.	Vườn thực vật An Phụ	Vườn thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh Hải Dương	Hải Dương	20	2030
6.	Vườn thực vật Cầu Hai	Vườn thực vật	Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Cầu Hai	Phú Thọ	700,8	2030
7.	Vườn thực vật Côn Sơn	Vườn thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh Hải Dương	Hải Dương	35,5	2030

STT	Tên	Loại hình	Cơ quan chủ quản	Tỉnh, thành phố	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân kỳ quy hoạch
Vùng Tây Bắc						
8.	Trung tâm cứu hộ động vật Hoàng Liên - Sa Pa	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Hoàng Liên	Lào Cai	05	2020
9.	Vườn cây thuốc tại Sa Pa	Vườn cây thuốc	Viện Dược liệu	Lào Cai	03	2020
Vùng Đồng bằng sông Hồng						
10.	Hệ thống bảo tồn nguồn gen vật nuôi	Ngân hàng gen	Viện Chăn nuôi quốc gia	Hà Nội và các tỉnh		2020
11.	Hệ thống bảo tồn tài nguyên di truyền thực vật quốc gia	Ngân hàng gen	Trung tâm Tài nguyên thực vật nông nghiệp (25 Viện, trung tâm nghiên cứu khác, gồm 3 ngân hàng gen hạt giống, 24 Ngân hàng gen đồng ruộng (các vườn sưu tập cây trồng) và một số Ngân hàng gen invitro)	Hà Nội và các tỉnh	100	2020
12.	Hệ thống ngân hàng lưu trữ nguồn gen dược liệu (ngân hàng gen hạt và invitro)	Ngân hàng gen	Viện Dược liệu	Hà Nội	0,1	2020
13.	Công ty giống cây trồng	Ngân hàng gen	Công ty giống cây trồng lâm nghiệp trung ương (9 đơn vị thành viên)	Hà Nội và các tỉnh		2030
14.	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Sóc Sơn	Trung tâm cứu hộ động vật	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội	Hà Nội	01	2020
15.	Vườn thú Hà Nội	Vườn động vật	UBND Thành phố Hà Nội	Hà Nội	220	2020

STT	Tên	Loại hình	Cơ quan chủ quản	Tỉnh, thành phố	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân kỳ quy hoạch
16.	Vườn Bách thảo Hà Nội	Vườn thực vật	Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên - Công ty cây xanh Hà Nội	Hà Nội	10	2020
17.	Vườn cây thuốc tại Hà Nội	Vườn cây thuốc	Viện Dược liệu	Hà Nội	05	2020
18.	Vườn thực vật Núi Lú	Vườn thực vật	Trường Đại học lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hà Nội	100	2030
19.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Cúc Phương	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Cúc Phương	Ninh Bình	04	2020
Vùng Bắc Trung Bộ						
20.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Phong Nha	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Phong Nha	Quảng Bình	05	2020
21.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Pù Mát	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Pù Mát	Nghệ An	05	2020
22.	Vườn cây thuốc tại Thanh Hóa	Vườn cây thuốc	Viện Dược liệu	Thanh Hóa	05	2020
23.	Vườn thực vật ngoại vi Vườn quốc gia Pù Mát	Vườn thực vật	Vườn quốc gia Pù Mát	Nghệ An	53,65	2030
24.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Bến En	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Bến En	Thanh Hoá	05	2030
Vùng Nam Trung Bộ						
25.	Công viên động vật biển/ Trại cứu hộ động vật biển	Vườn động vật	UBND tỉnh Khánh Hoà	Nha Trang	Thành lập mới	2030

STT	Tên	Loại hình	Cơ quan chủ quản	Tỉnh, thành phố	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân kỳ quy hoạch
26.	Trung tâm cứu hộ động vật khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh	Trung tâm cứu hộ động vật	Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh	Quảng Nam	05	2030
Vùng Tây Nguyên						
27.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Bidup - Núi Bà	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà	Lâm Đồng	5	2020
28.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Gia Lai	50	2020
29.	Vườn thực vật Lang Hanh	Vườn thực vật	Trạm Thực nghiệm lâm nghiệp Lang Hanh	Lâm Đồng	105	2030
30.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Kon Tum	80	2020
Vùng Đông Nam Bộ						
31.	Vườn cây thuốc tại thành phố Hồ Chí Minh	Vườn cây thuốc	Viện Dược liệu	Thành phố Hồ Chí Minh	1,2	2020
32.	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Cát Tiên	Trung tâm cứu hộ động vật	Vườn quốc gia Cát Tiên	Đồng Nai	240	2020
33.	Trung tâm cứu hộ động vật Củ Chi	Trung tâm cứu hộ động vật	Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	0,4	2020
34.	Thảo Cầm Viên	Vườn động vật	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	200	2020
35.	Thảo cầm Viên Sài Gòn	Vườn thực vật	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	33	2020

STT	Tên	Loại hình	Cơ quan chủ quản	Tỉnh, thành phố	Diện tích quy hoạch (ha)	Phân kỳ quy hoạch
36.	Vườn thực vật Củ Chi	Vườn thực vật	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	219,39	2020
37.	Vườn thực vật Trảng Bom	Vườn thực vật	Trung tâm Khoa học sản xuất lâm nghiệp Đông Nam Bộ - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Đồng Nai	07	2030
Vùng đồng Bằng sông Cửu Long						
38.	Trạm cứu hộ động vật Hòn Me	Trung tâm cứu hộ động vật	Chi cục Kiểm lâm Kiên Giang	Kiên Giang	0.1	2020



Phụ lục III
DANH MỤC CÁC TIỀN LANG ĐA DẠNG SINH HỌC QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên	Tỉnh	Diện tích (ha)	Phân kỳ quy hoạch	Mục đích thành lập
Vùng Đông Bắc					
1.	Na Hang - Ba Bể	Tuyên Quang	506	2020	Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
2.	Bắc Mê - Du Già	Hà Giang	5.601	2030	Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
3.	Bắc Mê - Khau Ca	Hà Giang	7.576	2030	- Quần thể loài Voọc mũi hếch tại khu bảo tồn Khau Ca hiện có thể sắp đạt sức chứa sinh thái. - Hỗ trợ các loài tái lập lại quần thể tại những nơi đã tuyệt chủng cục bộ hoặc quần thể bị suy giảm.
4.	Khau Ca - Du Già	Hà Giang	360	2030	- Quần thể loài Voọc mũi hếch tại khu bảo tồn Khau Ca hiện có thể sắp đạt sức chứa sinh thái. - Hỗ trợ các loài tái lập lại quần thể tại những nơi đã tuyệt chủng cục bộ hoặc quần thể bị suy giảm. - Diện tích nhỏ, tính khả thi cao.

STT	Tên	Tỉnh	Diện tích (ha)	Phân kỳ quy hoạch	Mục đích thành lập
5.	Na Hang - Bắc Mê	Tuyên Quang, Hà Giang	17.847	2030	- Bảo tồn ngoài biên giới rừng đặc dụng, hành lang đi qua khu vực còn tồn tại một quần thể Voọc đen má trắng có ý nghĩa bảo tồn. - Hỗ trợ quá trình di cư của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
Vùng Tây Bắc					
6.	Cúc Phương - Ngọc Sơn - Ngõ Luông	Hòa Bình	622	2030	- Hỗ trợ quá trình di cư của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu. - Diện tích nhỏ, tính khả thi cao. - Hỗ trợ quá trình trao đổi thông tin di truyền giữa các quần thể Voọc mông trắng bị cách ly.
7.	Pù Luông - Hang Kia - Pà Cò	Hòa Bình	19.141	2030	Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
Vùng đồng bằng sông Hồng					
8.	Hành lang ven biển Bắc Bộ	Thái Bình, Hải phòng, Quảng Ninh	20.056	2030	- Loại hình hành lang không liên tục (step-stone). - Đẩy nhanh quá trình tích tụ vật chất, nâng cao nền đất và giảm thiểu ảnh hưởng của nước biển dâng. - Hỗ trợ hình thành khu dự trữ sinh quyển Đồng bằng sông Hồng. - Phòng tránh thiên tai (sóng biển). - Cung cấp nơi sống và sinh sản cho các loài sinh vật có giá trị kinh tế. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.

STT	Tên	Tỉnh	Diện tích (ha)	Phân kỳ quy hoạch	Mục đích thành lập
Vùng Bắc Trung Bộ					
9.	Khe Nét - Vũ Quang	Hà Tĩnh, Quảng Bình	88.786	2030	- Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nhóm Gà lôi đặc hữu có biên độ sinh thái hẹp. - Mở rộng vùng sống và sinh cảnh được ưu tiên bảo vệ cho quần thể Voi châu Á. - Đi qua khu vực núi Giăng Màn có tính đa dạng sinh học cao.
10.	Pù Hoạt – Xuân Liên	Nghệ An	17.318	2030	Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
11.	Pù Huông - Pù Hoạt	Nghệ An	23.037	2030	- Hỗ trợ hình thành khu dự trữ sinh quyển Tây Nghệ An. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
12.	Pù Mát - Pù Huông	Nghệ An	35.964	2030	- Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
13.	Vũ Quang - Pù Mát	Hà Tĩnh, Nghệ An	79.688	2030	- Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
Vùng Nam Trung Bộ					
14.	Đắk Rông - Bắc Hướng Hóa	Quảng Trị	15.451	2020	- Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng. - Bảo tồn ngoài biên giới rừng đặc dụng. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt nhóm Gà và Linh trưởng có phạm vi phân bố hẹp.

STT	Tên	Tỉnh	Diện tích (ha)	Phân kỳ quy hoạch	Mục đích thành lập
15.	Sao La - Phong Điền	Thừa Thiên Huế	26.711	2020	- Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng. - Hỗ trợ các loài tái lập lại quần thể tại những nơi đã tuyệt chủng cục bộ hoặc quần thể bị suy giảm (Ví dụ nhóm Linh trưởng ở Vườn quốc gia Bạch Mã). - Bảo tồn ngoài biên giới rừng đặc dụng. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
16.	Sông Thanh - Sao La	Quảng Nam	76.579	2020	- Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng. - Bảo tồn ngoài biên giới rừng đặc dụng. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
17.	Ngọc Linh (Quảng Nam) Sông Thanh	Quảng Nam	9.633	2030	- Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng. - Bảo tồn ngoài biên giới rừng đặc dụng. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
Vùng Tây Nguyên					
18.	Ngọc Linh - Ngọc Linh (Kon Tum)	Kon Tum	2.336	2030	- Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh
19.	Kon Ka Kinh - Kon Cha Răng	Gia Lai	9.511	2030	- Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.
Vùng Đông Nam Bộ					
20.	Cát Tiên - Cát Lộc	Đồng Nai	16.722	2030	Hỗ trợ quá trình di chuyển của các loài có vùng sống rộng (Bò sát). Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.

STT	Tên	Tỉnh	Diện tích (ha)	Phân kỳ quy hoạch	Mục đích thành lập
Vùng đồng bằng sông Cửu Long					
21.	Đồng bằng sông Cửu Long	Tiền Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau	90.222	2030	- Loại hình hành lang không liên tục (step-stone) kết nối các khu bảo tồn Mũi Cà Mau, sân chim Đầm Dơi, Thạnh Phú và Cần Giỏi. - Nếu được hình thành sớm có thể đẩy nhanh quá trình tích tụ vật chất, nâng cao nền đất và giảm thiểu ảnh hưởng của nước biển dâng. - Phòng tránh thiên tai (sóng biển). - Cung cấp nơi sống và sinh sản cho các loài sinh vật có giá trị kinh tế. - Hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của biến đổi khí hậu.

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỔNG THỂ
BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên chương trình, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì xây dựng và trình	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Quy hoạch chi tiết và thành lập các khu bảo tồn mới theo quy định của Luật đa dạng sinh học	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các trường đại học, viện nghiên cứu	2016 - 2020
2	Triển khai kế hoạch phát triển hệ thống cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các trường đại học, viện nghiên cứu	2015 - 2020
3	Quy hoạch chi tiết các hành lang đa dạng sinh học tại vùng Đông Bắc và Nam Trung Bộ	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh, thành phố, Ban quản lý khu bảo tồn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2015 - 2020
4	Đào tạo, tăng cường năng lực thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh; Ban quản lý các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, hành lang đa dạng sinh học	2014 - 2018
5	Nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm các mô hình hỗ trợ người dân sống hợp pháp trong khu bảo tồn, vùng đệm và hành lang đa dạng sinh học nhằm thực hiện hiệu quả quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Ban quản lý các khu bảo tồn; Các tổ chức chính trị, xã hội, khoa học liên quan.	2015 - 2020
6	Điều tra, nghiên cứu phân vùng sinh thái và đánh giá không gian về đa dạng sinh học phục vụ quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các trường đại học, viện nghiên cứu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố	2014 - 2020

